

Hiệp Hòa, ngày 06 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai V/v cấp bổ sung quỹ lương, kinh phí hoạt động và tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách, nguồn khác QIII/2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS HIỆP HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-PGDĐT ngày 03/10/2022 V/v bổ sung quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương do tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2022; Quyết định số 1839/QĐ-PGDĐT ngày 03/10/2022 V/v bổ sung kinh phí hoạt động theo định mức số lượng người làm việc quy định tại các cơ sở giáo dục công lập năm 2022,

Xét đề nghị của Tổ văn phòng công khai về việc cấp bổ sung dự toán ngân sách nhà nước và tình hình thực hiện dự toán thu-chi NSNN, nguồn khác QIII/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các Quyết định cấp bổ sung kinh phí (đính kèm theo biểu số 02 Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018) và tình hình thực hiện dự toán thu-chi NSNN, nguồn khác QIII/2022 (đính kèm theo biểu số 03 Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng(Kế toán) có trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Quảng Yên;
- Như điều 3(T/h) ;
- Lưu VP.



Đào Thị Hà

TRƯỜNG THCS HIỆP HÒA
Chương: 622; Khoản 073

Biểu số 02
 Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC
 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 136/QĐ-THCS HH ngày 06/10/2022 của Trường THCS Hiệp Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Học phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	129
I	Nguồn ngân sách trong nước	129
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	129
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	129
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số: 1836/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 03 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương do tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 5028/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách thị xã và ngân sách xã, phường năm 2022; Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 6736/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc cấp kinh phí cho Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã do tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức, bổ sung kinh phí hoạt động theo định mức số lượng người làm việc quy định tại các cơ sở giáo dục công lập năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 105 ngày 28/9/2022 của Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã Quảng Yên về việc thông báo duyệt dự toán cấp năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương do tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2022 cho các đơn vị trường học sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã, tổng kinh phí: 521.957.000 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ kinh phí dự toán chi ngân sách năm 2022 được bổ sung, các trường tổ chức thực hiện sử dụng kinh phí đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

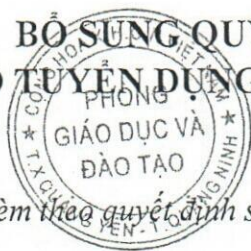
Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, KT (02)/.



Nguyễn Thị Thúy

**BỔ SUNG QUỸ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THEO LƯƠNG
DO TUYỂN DỤNG VÀ BỔ NHIỆM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
NĂM 2022**



(Kèm theo quyết định số 1836/QĐ-PGDĐT ngày 03/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Trường	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
A	B	I	2	3	4	5
TỔNG CỘNG						521.957.000
I	Khối mầm non					117.539.000
1	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	13	39.675.000
2	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	13	19.838.000
3	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	13	19.838.000
4	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	13	19.838.000
5	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	13	18.350.000
II	Khối tiểu học					138.495.000
1	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	1027579	622	072	13	42.949.000
2	Trường Tiểu học Liên Hòa	1026582	622	072	13	16.902.000
3	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	1025852	622	072	13	36.520.000
4	Trường Tiểu học Nam Hòa	1026586	622	072	13	16.902.000
5	Trường Tiểu học Tiền An	1025847	622	072	13	25.222.000
III	Khối Trung học cơ sở					247.726.000
1	Trường THCS Phong Cốc	1027585	622	073	13	18.197.000
2	Trường THCS Tiền An	1025843	622	073	13	16.902.000
3	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	13	24.427.000
4	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	13	24.161.000
5	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	13	19.885.000
6	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	13	56.661.000
7	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	13	34.197.000
8	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	13	18.197.000
9	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	13	16.902.000
10	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	13	18.197.000
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					18.197.000
1	Trường TH&THCS Hoàng Tân					
	Trường THCS Hoàng Tân	1131212	622	073	13	18.197.000

Số: 1839/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 03 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung kinh phí hoạt động theo định mức số lượng người làm việc
quy định tại các cơ sở giáo dục công lập năm 2022**

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 5028/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách thị xã và ngân sách xã, phường năm 2022; Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 6736/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc cấp kinh phí cho Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã do tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức, bổ sung kinh phí hoạt động theo định mức số lượng người làm việc quy định tại các cơ sở giáo dục công lập năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 105 ngày 28/9/2022 của Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã Quảng Yên về việc thông báo duyệt dự toán cấp năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí hoạt động theo định mức số lượng người làm việc quy định tại các cơ sở giáo dục công lập năm 2022 cho các đơn vị trường học sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã, tổng kinh phí: 3.559.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm năm mươi chín triệu đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ kinh phí dự toán chi ngân sách năm 2022 được bổ sung, các trường tổ chức thực hiện sử dụng kinh phí đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, KT (02)/.



Nguyễn Thị Thúy

BỔ SUNG KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

THEO ĐỊNH MỨC SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

QUY ĐỊNH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số 1839/QĐ-PGDĐT ngày 03/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Trường	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
A	B	1	2	3	4	5
TỔNG CỘNG						3.559.000.000
I	Khối mầm non					817.000.000
1	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	13	87.000.000
2	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	13	16.000.000
3	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	13	27.000.000
4	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	13	40.000.000
5	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	13	60.000.000
6	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	13	13.000.000
7	Trường Mầm non Tiên An	1105738	622	071	13	96.000.000
8	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	13	48.000.000
9	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	13	128.000.000
10	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	13	24.000.000
11	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	13	152.000.000
12	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	13	13.000.000
13	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	13	20.000.000
14	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	13	93.000.000
II	Khối tiểu học					1.131.000.000
1	Trường Tiểu học Liên Vị	1026583	622	072	13	32.000.000
2	Trường Tiểu học Hà An	1026585	622	072	13	60.000.000
3	Trường Tiểu học Ngô Quyền	1025848	622	072	13	40.000.000
4	Trường Tiểu học Phong Cốc	1025850	622	072	13	80.000.000
5	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	1027579	622	072	13	24.000.000
6	Trường Tiểu học Liên Hòa	1026582	622	072	13	72.000.000
7	Trường Tiểu học Minh Thành	1025853	622	072	13	120.000.000
8	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	1025852	622	072	13	184.000.000
9	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	1025844	622	072	13	20.000.000
10	Trường Tiểu học Nam Hòa	1026586	622	072	13	60.000.000
11	Trường Tiểu học Yên Giang	1026580	622	072	13	33.000.000
12	Trường Tiểu học Tiên An	1025847	622	072	13	72.000.000

TT	Trường	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
13	Trường Tiểu học Tân An	1025845	622	072	13	60.000.000
14	Trường Tiểu học Đông Mai	1026581	622	072	13	67.000.000
15	Trường Tiểu học Phong Hải	1025851	622	072	13	67.000.000
16	Trường Tiểu học Yên Hải	1026584	622	072	13	80.000.000
17	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuần	1026579	622	072	13	60.000.000
III	Khối Trung học cơ sở					1.203.000.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	13	80.000.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	13	60.000.000
3	Trường THCS Phong Cốc	1027585	622	073	13	60.000.000
4	Trường THCS Tiền An	1025843	622	073	13	96.000.000
5	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	13	80.000.000
6	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	13	80.000.000
7	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	13	80.000.000
8	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	13	60.000.000
9	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	13	60.000.000
10	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	13	72.000.000
11	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	13	96.000.000
12	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	13	80.000.000
13	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	13	72.000.000
14	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	13	120.000.000
15	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	13	47.000.000
16	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	13	60.000.000
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					408.000.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong					
	<i>Trường TH Tiền Phong</i>	<i>1027578</i>	<i>622</i>	<i>072</i>	<i>13</i>	<i>64.000.000</i>
	<i>Trường THCS Tiền Phong</i>	<i>1027578</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>13</i>	<i>32.000.000</i>
2	Trường TH&THCS Cẩm La					
	<i>Trường TH Cẩm La</i>	<i>1130336</i>	<i>622</i>	<i>072</i>	<i>13</i>	<i>72.000.000</i>
	<i>Trường THCS Cẩm La</i>	<i>1130336</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>13</i>	<i>24.000.000</i>
3	Trường TH&THCS Sông Khoai					
	<i>Trường TH Sông Khoai</i>	<i>1130337</i>	<i>622</i>	<i>072</i>	<i>13</i>	<i>48.000.000</i>
	<i>Trường THCS Sông Khoai</i>	<i>1130337</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>13</i>	<i>48.000.000</i>
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân					
	<i>Trường TH Hoàng Tân</i>	<i>1131212</i>	<i>622</i>	<i>072</i>	<i>13</i>	<i>48.000.000</i>
	<i>Trường THCS Hoàng Tân</i>	<i>1131212</i>	<i>622</i>	<i>073</i>	<i>13</i>	<i>72.000.000</i>